TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 7 – 2023
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phượng

2. Ông Phan Quốc Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Hồng Q,** năm sinh 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Thái Thanh N,** sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng Q là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Q và anh N chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đ vào năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến khoảng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn do anh N không lo làm ăn và không chăm sóc gia đình. Nay chị Nguyễn Thị Hồng Q yêu cầu được ly hôn với anh Thái Thanh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 17/11/2011, hiện con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn, Chị Q yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Thanh N đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của Chị Q nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn Thái Thanh N – Nguyễn Thị Hồng Q (Bản chính).

- Giấy khai sinh tên Thái Thanh T, sinh ngày 17/11/2011 (Bản photo).

- Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Hồng Q (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng Q có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Thái Thanh N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con"*.

Anh Thái Thanh N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Thái Thanh N là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thái Thanh N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh N sống chung với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đ do đó hôn nhân giữa Chị Q và anh N là hợp pháp.

Theo Chị Q trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian sau, Chị Q và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị Q và anh N không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Thái Thanh N tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Q. Xét thấy hôn nhân giữa Chị Q và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Q yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa Chị Q và anh Nlà mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Q.

- Về con chung: Xét từ khi chị Q, anh N sống xa nhau đến nay, Chị Q là người trực tiếp nuôi con chung Thái Thanh T, anh N không đến thăm, chăm sóc cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Do đó, giao con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 17/11/2011 cho Chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Thái Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh N không có ý kiến về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Qtrình bày vợ chồng không có nợ chung, anh Nkhông có ý kiến về nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng Q.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Q được ly hôn với anh Thái Thanh N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Q được tiếp tục nuôi con chung Thái Thanh T, sinh ngày 17/11/2011

Anh Thái Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Thái Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000138 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- UBND xã Phương Trà, HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh